ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 961 /QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 22 tháng 5 năm 2019*

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
ĐẾN Số: 2861
Ngày: 23/5
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này **49** (*Bốn mươi chính*) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 44, cấp huyện: 05*) thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và bãi bỏ **69** (*Sáu mươi chín*) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh 67, cấp xã: 02*) được công bố tại Quyết định số 1977/QĐ-UBND ngày 19/9/2016; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 22/6/2017; Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 25/5/2018; Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 và Quyết định số 2154/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 *(kèm theo phụ lục danh mục và nội dung TTHC mới, bãi bỏ và được gửi trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh (IOFFICE), đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập sử dụng)*.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng CP(b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- BLĐVP;
- TT Tin học-Công báo;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh(đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số:961/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên thủ tục hành chính	Phương thức tiếp nhận và trả kết quả
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I. Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT		
1	Hỗ trợ dự án liên kết	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
II. Lĩnh vưc Bảo vệ thực vật		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Nộp trực tuyến qua dịch vụ công mức độ 3, trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	
3	Đăng ký công bố hợp quy phân bón	
III. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT		
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
2.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	

IV. Lĩnh vực Thủy sản		
1	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Nộp trực tiếp hoặc qua BCCI đến Ban quản lý Cảng cá
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Nộp trực tiếp đến
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	
5	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	
6	Xóa đăng ký tàu cá	
7	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	
8	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
9	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	
10	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	
11	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	
12	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	
13	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	
14	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	
15	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	

16	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
17	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	
18	Công bố mở cảng cá loại 2	
19	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	
20	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	
V. Lĩnh vực Trồng trọt		
1	Thủ tục Công nhận cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	Nộp trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc Qua BCCI
2	Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	
3	Thủ tục Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	
4	Thủ tục Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	
VI. Lĩnh vực Lâm nghiệp		
1	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức	
2	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	
3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I. Lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT		
1	Hỗ trợ dự án liên kết	Nộp trực tiếp đến Bộ phận một cửa UBND huyện hoặc Qua BCCI
II. Lĩnh vực Lâm Nghiệp		
1	Thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng	Nộp trực tiếp đến

	rừng sang mục đích khác đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập)	Bộ phận một cửa UBND huyện hoặc Qua BCCI
III. Lĩnh vực Thủy sản		
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Nộp trực tiếp đến Bộ phận một cửa UBND huyện hoặc Qua BCCI
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
3	Công bố mở cảng cá loại 3	

2. Danh mục thủ tục hành chính công bố bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Tên thủ tục hành chính
	Thủ tục hành chính cấp tỉnh
I. Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT	
1	Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn
2	Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn *(áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn)*
3	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
3	Đăng ký công bố hợp quy phân bón
III. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT	
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu

IV. Lĩnh vực chế biến Nông lâm sản và nghề muối	
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu
2	Công nhận làng nghề
3	Công nhận nghề truyền thống
4	Công nhận làng nghề truyền thống
V. Lĩnh vực Thủy sản	
1	Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác
2	Cấp giấy chứng nhận tàu cá tạm thời (đối với tàu cá nhập khẩu)
3	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đóng mới
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu
5	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê mua tàu
6	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá hoán cải
7	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
8	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai
9	Chứng nhận thủy sản khai thác
10	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá
VI. Lĩnh vực Trồng trọt	
1	Thủ tục Công nhận cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
2	Thủ tục Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm
3	Thủ tục Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm
4	Thủ tục Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng
VII. Lĩnh vực Lâm nghiệp	
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức
2	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức.
3	Phê duyệt hồ sơ và cấp giấy phép khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu

	hàng năm của chủ rừng là tổ chức.
4	Phê duyệt hồ sơ và cấp giấy phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh.
5	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức.
6	Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề đối với chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách) phải lâm nghiệp của các tổ chức.
7	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận thu gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức.
8	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức
9	Phê duyệt phương án điều chế rừng của chủ rừng là tổ chức
10	Phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là tổ chức.
11	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)
12	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức.
13	Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp.
14	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con.
15	Hỗ trợ trước đầu tư trồng rừng đối với tổ chức ngoài quốc doanh.
16	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)
17	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)

18	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập
19	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại phụ lục II, III của CITES
21	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại phụ lục I của CITES
22	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các phụ lục của công ước CITES.
23	Thủ tục cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý
24	Thủ tục cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý
25	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu
26	Thủ tục giao gấu tự nguyện cho Nhà nước
27	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau khi xử lý tịch thu, lâm sản vận chuyển nội bộ (đối với Chi cục Kiểm lâm không có Hạt Kiểm lâm).
28	Thủ tục Xác nhận nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với các địa phương không có Hạt Kiểm lâm).
29	Thủ tục cấp Giấy phép di chuyển gấu nuôi
30	Thủ tục Đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt
31	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản sau chế biến, lâm sản vận chuyển nội bộ.

32	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.
33	Thủ tục Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường
34	Thủ tục Đóng dấu búa kiểm lâm
35	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức
36	Khai thác và tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ
37	Cấp phép khai thác, tận dung, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng
VIII. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	
1	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
2	Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp giấy chứng nhận sắp hết hạn
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận an toàn thực phẩm
Thủ tục hành chính cấp xã	
I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và PTNT	
1	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản cấp xã.
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	
1	Xác nhận hoạt động dịch vụ BVTV